

Bản tin chứng khoán

Trong số này

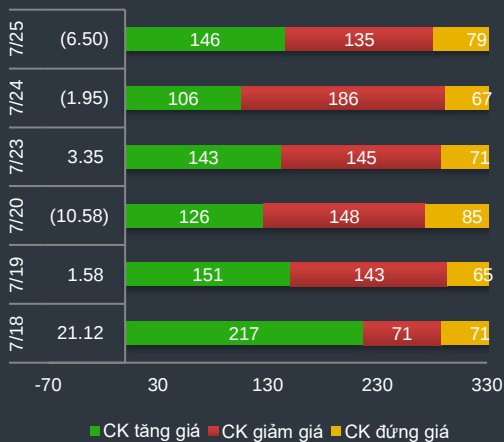
Nhận định **P.1**

Phân tích Kỹ Thuật **P.3**

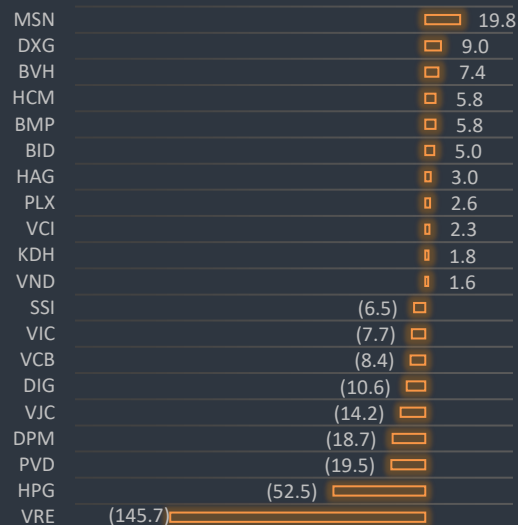
Kết quả kinh doanh **P.4**

Tin tức doanh nghiệp **P.6**

Độ rộng thị trường



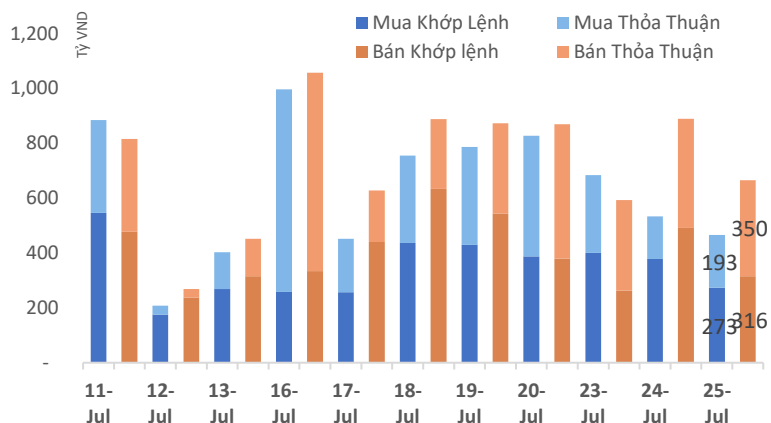
Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Kịch bản quen thuộc của thị trường lặp lại phiên hôm nay đó là hào hứng bùng nổ vào đầu phiên, sau đó nguội dần về cuối phiên. Hôm nay thậm chí mức độ đè nén còn nặng nề hơn khi nhóm cổ phiếu ngân hàng bị đè bán ra khá mạnh làm chỉ số Vnindex mất 6.5 điểm còn Vn30 sụt đến 7.85. Dù vậy mặt bằng chung thị trường vẫn khá tích cực với số mã xanh nhiều hơn mã giảm và giá trị giao dịch vẫn giữ mức ổn định gần 5 ngàn tỷ hôm nay.

Động lực chính trong vài phiên gần đây đến từ nhóm mid cap và penny. Nhóm cổ phiếu HNG, HAG hạ nhiệt một chút nhưng HAG vẫn xanh nhẹ. QCG, GTN tiếp tục tăng trần và hôm nay có thêm DLG, HAR, HAI, AMD, AGR, OGC. Riêng FLC nổi bật nhất với gần 27 triệu cổ phiếu khớp lệnh và thêm 12 triệu dư mua giá trần.

Ngược lại nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán lại bị bán mạnh làm giảm điểm các chỉ số chính. Khối ngoại cũng bán ròng hầu hết nhóm mã ngân hàng ở STB, VCB, HDB. Cổ phiếu bank khối ngoại mua nhiều nhất là BID hơn 200 ngàn cổ phiếu.



Khối ngoại bán ròng khoảng 200 tỷ cả hai sàn trong đó có một lượng bán ròng thỏa thuận lớn 3.5 triệu VRE trị giá khoảng 147 tỷ đồng. HPG cũng được bán ròng khoảng 52.5 tỷ, PVD (19.5 tỷ), DPM (18.7 tỷ).

Vnindex 927.58

▼ -6.5 (-0.7%)

Biến động Big Cap

CP	Vốn hóa	Giá	%
BVH	51,035	75	1.35
TCB	31,178	26.75	1.33
NVL	35,937	57.7	1.23
EIB	17,335	14.1	0.71
MSN	92,999	81	0.62
FPT	26,015	42.4	0.47
HPG	53,850	35.5	0.28
VHM	285,379	106.5	0
VNM	246,577	169.9	0
DHG	12,944	99	0
VIC	333,206	104.4	-0.1
PLX	65,936	56.9	-0.18
HNG	14,544	16.4	-0.61
TPB	14,652	26.4	-1.12
VJC	61,383	136	-1.16
PNJ	14,917	92	-1.18
GAS	160,147	83.7	-1.3
SAB	132,745	207	-1.43
HDB	32,863	33.5	-1.47
VRE	77,944	41	-1.56
MWG	33,993	110.5	-1.69
STB	20,201	11.2	-1.75
VPB	63,726	26.3	-1.87
MBB	39,941	22	-2.65
VCB	198,957	55.3	-2.98
CTG	84,894	22.8	-3.18
SSI	12,981	26.5	-3.28
ROS	24,407	43	-3.48
BHN	19,054	82.2	-4.31
BID	80,682	23.6	-4.84

Phía mua ròng nhiều nhất có MSN, DXG, BVH, HCM, và BMP. Trong mấy phiên gần đây khối ngoại đã mua ròng hơn 1.2 triệu MSN và 6 triệu DXG.



Chỉ số Vnindex sau khi phục hồi khá tốt từ đáy thấp 880 lên 950 đang duy trì củng cố. Trạng thái đi ngang trong vài phiên gần đây là khá tích cực khi dòng tiền đang được xoay vòng và hấp thụ trở lại vào thị trường. Một lượng lớn dòng tiền đang chuyển từ nhóm blue chip lớn sang mid cap và penny trong ngắn hạn tạo một luồng sinh khí mới. Điều này giúp thị trường cơ sở đẩy mạnh hơn về thanh khoản hơn trước cũng như tốc độ giao dịch ngắn hạn nhanh hơn do yếu tố đầu cơ cổ phiếu penny. Về ngắn hạn xu thế tăng đang được duy trì với sóng tăng thứ hai kỳ vọng chạm vùng kháng cự tiếp theo quanh 980 nếu dòng tiền tiếp tục giữ như hiện tại.

Một báo cáo mới đây của Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung Ương công bố 6 tháng đầu năm tổng thu ngân sách nhà nước đạt 651 ngàn tỷ đồng, đạt 49.4% dự toán và tổng chi 649.2 ngàn tỷ, đạt 42.6% dự toán. Khoản mục chi thường xuyên đạt 519.2 ngàn tỷ đồng, đạt 47.6% dự toán. Một điểm nhấn trong ngân sách 6 tháng đầu năm là chênh lệch thu chi thu hẹp lại nhưng xu hướng chung của chính sách tài khoản vẫn là bù chi NSNN và hướng sắp tới vẫn là tăng thu thuế để bù ngân sách. Hoạt động thoái vốn nhà nước trong 6 tháng đầu năm diễn ra chậm hơn, thu được 28,000 tỷ đồng, so với 2016 là 30,000 ngàn tỷ và 2017 140,000 tỷ. Trong 6 tháng đầu năm 2018 đã thực hiện thành công IPO và bán cho cổ đông chiến lược 16 doanh nghiệp, thu về gần 22.500 tỷ đồng. Một số công ty lớn IPO vừa qua có Tổng công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (hơn 5.400 tỷ đồng), Tổng công ty Điện lực Dầu khí (gần 7.000 tỷ đồng), Tổng công ty Dầu (4.000 tỷ đồng), Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (1.300 tỉ đồng), Tổng công ty Thương mại Hà Nội (2.800 tỷ đồng), Tổng công ty Lương thực miền Nam (2.400 tỷ đồng). Một trong những yếu tố đáng quan tâm là tỷ lệ chi đầu tư địa phương vẫn đang ở mức rất cao 70% và hơn hẳn nhiều quốc gia khác. Mới đây chính phủ đã ban hành nghị định số 93 về quản lý nợ của chính quyền địa phương nhằm quản lý và khống chế việc vay mượn nợ của chính quyền địa phương. Đây là bước khởi đầu trong việc siết lại và quản lý chặt chẽ hơn việc vay mượn nợ từ chính quyền địa phương và hướng tới sự minh bạch và tránh thất thoát ngân sách đầu tư phát triển. Hiện tỷ lệ nợ công/GDP đã tăng từ 54% cách đây 5 năm lên 63.6% và đang ở mức nguy hiểm và cảnh báo.



Bộ lọc cổ phiếu đã giảm nhiều so với đỉnh

Ticker	Close	% so với Đỉnh	% so với Đáy	KLGD TB 3T	RSI	StochK	StochD	Hỗ trợ mạnh
HSG	10.9	-51.6%	11.2%	3,100,779	49.6	38.2	62.1	9.7
DIG	14.6	-48.8%	6.6%	1,690,943	33.5	40	66.2	13.7
BID	23.6	-48.1%	9.3%	3,272,151	32.4	27.5	48.4	22
VND	17.2	-47.6%	11.7%	1,624,473	39.8	39.5	63.2	16
SHS	13.3	-46.2%	15.7%	1,220,349	43.6	47.9	70.6	12
HCM	50.1	-44.3%	6.6%	316,670	33.1	34.5	63.4	47.2
SHB	7.9	-42.8%	11.3%	6,531,202	43.7	60.2	65.7	7
OIL	14	-42.1%	3.7%	711,735	42.3	39.4	54.9	13
SSI	26.5	-40.2%	2.7%	4,786,030	29.4	21.3	49.6	25
CTG	22.8	-39.5%	11.2%	5,424,218	37.2	22.9	49.5	20
VPB	26.3	-38.6%	9.6%	4,037,854	28.2	4.8	28.1	24
GAS	83.7	-37.1%	13.1%	676,784	55.4	66.3	73.6	78
SCR	9.2	-36.1%	16.5%	2,326,990	75.3	68.4	68	8
PLX	56.9	-34.9%	7.8%	504,919	58.9	56.5	65.3	54
STB	11.2	-34.5%	15.5%	4,861,220	54.7	66.7	76	10
QCG	9.5	-34.0%	23.4%	1,032,003	88.4	100	82.3	7.5
ACB	34	-33.5%	13.7%	4,663,975	37.9	27.1	55.7	32
HDB	33.5	-33.0%	6.0%	1,594,277	32.7	31.4	53.5	30
PNJ	92	-32.9%	21.1%	477,166	48.4	30.8	56	82
MBB	22	-31.9%	13.4%	5,380,470	44.6	33.9	59.1	19

- % So với Đỉnh, Đáy: So sánh với giá 6 tháng gần nhất:



Kết quả kinh doanh quý 2 một số doanh nghiệp đáng chú ý

Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng				EPS 4quý	P/E Hiện tại
		Q2/2018	+/-Cùng kỳ (%)	Lũy kế 6T2018	LN 4quý		
ABT	HOSE	29.36	526	38.36	54.17	4,712	8.6
AGM	HOSE	7.72	236.7	10.96	16.73	921	9.8
AGR	HOSE	14.54	(57.1)	26.6	3.28	16	241.2
ANV	HOSE	113.34	310.2	189.2	269.17	2,159	8.6
APC	HOSE	21.13	22.6	34.8	73.55	6,231	5.3
ASP	HOSE	14.42	13.8	20.9	46.10	1,235	5.9
BAX	HNX	5.57	10.3	10.46	25.54	3,115	7.2
BBC	HOSE	7.71	2.2	25.6	97.00	6,290	11.2
BCC	HNX	18.81	150.5	-	na	na	na
BCE	HOSE	13.64	(22.7)	13.7	22.39	746	7.2
BMI	HOSE	65.86	31.2	133.8	206.40	2,259	8.6
BMP	HOSE	139.93	9.4	226.5	469.84	5,739	9.5
BSI	HOSE	122.29	25.6	179.8	234.84	2,182	5.4
BTP	HOSE	6.53	(47.2)	116.0	229.28	3,791	3.0
BTS	HNX	35.5	439	-	na	na	na
BVS	HNX	26.59	(24.6)	55.5	116.36	1,611	11.0
C32	HOSE	35.79	37.4	48.1	98.41	7,202	3.7
CAP	HNX	21.63	1930.7	31.97	36.07	7,578	5.7
CAV	HOSE	81.15	(5.2)	162.8	330.27	5,734	9.7
CCI	HOSE	9.83	19.1	12.0	26.87	1,532	9.7
CCL	HOSE	7.58	413.7	12.74	20.89	440	9.2
CDC	HOSE	8.90	11.1	17.1	30.02	1,911	8.6
CDN	HNX	38.41	12.8	73.9	137.70	1,391	10.7
CHP	HOSE	55.44	(5.3)	-	na	na	na
CIA	HNX	10.11	-	30.17	na	na	na
CIG	HOSE	15.56	1960.6	16.37	19.34	626	6.0
CLC	HOSE	36.70	36.5	64.8	114.20	4,358	6.9
CLH	HNX	7.73	25.8	13.67	29.89	2,989	5.3
CLL	HOSE	22.74	17.0	46.1	91.04	2,678	10.9
CMV	HOSE	5.9	2.8	11.82	23.65	1,954	10.7
CMX	HOSE	13.11	86	17.32	29.30	2,216	2.5
CNG	HOSE	26.83	8.6	42.2	100.04	3,705	7.4
COM	HOSE	21.62	(6.9)	40.0	91.82	6,503	8.8
CSM	HOSE	5.69	(68.4)	9.9	17.53	169	79.8
CSV	HOSE	71.45	22.4	127.8	264.38	5,981	4.9
CTD	HOSE	427.91	3.8	718.2	1,657.81	21,176	7.0
CTS	HOSE	15.23	(59.9)	63.3	104.31	1,069	10.6
CVT	HOSE	38.59	(19.7)	72.6	171.32	6,070	4.0
D2D	HOSE	18.33	127.8	40.3	79.46	7,458	8.8
DAD	HNX	12.22	(2.0)	13.2	9.77	2,096	7.9

Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng			LN 4quý	EPS 4quý	P/E Hiện tại
		Q2/2018	+/- Cùng kỳ (%)	Lũy kế 6T2018			
DAT	HOSE	11.17	83	17.65	31.40	717	23.3
DBC	HNX	82.62	349.2	92.82	312.58	3,774	6.5
DBD	HOSE	41.26	21.6	82.4	na	na	na
DGL	HNX	197.95	402.8	356.7	519.10	5,202	6.5
DGW	HOSE	22.59	10.7	41.7	90.99	2,241	10.2
DHA	HOSE	18.91	3.4	32.8	59.83	3,972	6.9
DHC	HOSE	40.75	159.6	64.1	115.14	3,341	11.7
DHG	HOSE	139.88	(24.7)	311.4	594.95	4,550	21.8
DHT	HNX	17.22	18.6	38.6	87.94	7,001	5.2
DMC	HOSE	55.47	(5.7)	107.6	208.42	6,002	14.2
DNY	HNX	6.11	(47.3)	-	na	na	na
DP3	HNX	34.32	399.0	53.1	73.09	10,748	8.7
DPG	HOSE	30.06	-	50.2	na	na	na
DPM	HOSE	215.03	(6.9)	395.2	648.97	1,658	10.9
DPR	HOSE	47.13	(0.4)	150.4	254.08	6,332	6.1
DRC	HOSE	54.35	56.7	75.1	131.46	1,107	20.6
DRH	HOSE	6.80	(70.6)	19.0	56.17	1,150	12.9
DRL	HOSE	12.65	(34.3)	30.9	59.20	6,232	8.5
DSN	HOSE	38.55	12.0	58.7	93.53	7,741	7.0
DVP	HOSE	78.19	(4.7)	133.6	273.01	6,825	7.1
DXG	HOSE	113.65	121.5	432.2	1,314.68	4,340	5.6
DXP	HNX	6.11	(27.7)	11.0	23.32	898	12.8
EBS	HNX	5.59	(14.2)	-	na	na	na
EID	HNX	24.33	(7.2)	26.4	35.90	2,393	5.6
EVG	HOSE	9.21	8.9	13.9	21.34	711	6.8
FMC	HOSE	32.41	122.9	51.4	129.25	3,314	6.2
FRT	HOSE	82.65	28.3	146.53	na	na	na
FTM	HOSE	13.5	79.2	24.75	44.48	890	21.3
FTS	HOSE	59.36	44.8	122.3	224.65	2,261	5.8
GAS	HOSE	3,122.17	72.6	5,730.2	11,566.78	6,043	13.8
GDT	HOSE	25.39	3.6	43.6	87.99	5,923	7.4
GMX	HNX	8.28	18.3	10.8	21.07	3,964	6.3
GSP	HOSE	21.93	76.6	35.3	61.26	2,042	6.4
GTA	HOSE	5.82	13.4	9.58	16.57	1,685	8.4
HAP	HOSE	9.02	91.4	16.25	23.20	418	9.3
HAT	HNX	17.37	46.8	19.1	34.42	11,023	3.6
HAX	HOSE	33.23	561.5	35.19	100.41	2,868	5.9
HCC	HNX	6.31	(29.8)	10.3	15.49	2,376	6.5
HCD	HOSE	11.07	82.3	17.26	28.40	1,052	12.4
HCM	HOSE	147.24	7.6	471.9	794.25	6,130	8.2
HGM	HNX	5.63	-54.8	18.02	38.26	3,210	14.0
HJS	HNX	22.61	27.0	29.4	44.09	2,100	10.7
HLC	HNX	16.41	(9.2)	22.9	54.73	2,153	2.9
HLD	HNX	17.22	519.8	22.75	74.24	3,712	4.0
HLG	HOSE	20.96	(43.4)	31.3	96.41	2,180	4.2
HMC	HOSE	32.05	166.5	48.3	100.22	4,786	2.8
HQC	HOSE	10.90	(65.5)	21.4	54.95	118	16.6
HSG	HOSE	87.18	-79	420.59	958.31	2,738	4.0
HT1	HOSE	242	108.7	323.71	569.85	1,494	8.2
HTI	HOSE	17.41	7.4	34.33	66.10	2,649	4.5
HTV	HOSE	6.59	24	10.5	20.54	1,568	10.5
HVT	HNX	21.06	59.1	42.25	88.43	8,048	5.7
IDV	HNX	28.16	322.4	36.55	62.63	3,884	8.1
IMP	HOSE	31.06	-8.3	63.94	121.50	2,828	18.0
KHP	HOSE	28.76	218.1	50.16	119.69	2,988	3.2
KHS	HNX	5.71	-	13.56	na	na	na
KSB	HOSE	79.39	-4.2	149.2	282.60	6,038	5.1
L10	HOSE	5.86	-19.3	8.09	22.05	2,252	8.9
L14	HNX	25.67	69.8	37.91	74.52	4,969	6.8
LDG	HOSE	11.52	-85.8	16.35	163.73	1,024	12.2

Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng			LN 4quý	EPS 4quý	P/E Hiện tại
		Q2/2018	+/-Cùng ký(%)	Lũy kế 6T2018			
LHG	HOSE	46.21	297.3	122.18	258.94	5,178	3.6
LIX	HOSE	40.69	1.4	73.96	153.41	4,735	8.5
MBB	HOSE	1491.43	34.6	3040.31	4,566.29	2,515	8.7
MBS	HNX	55.1	985.6	125.87	137.05	1,122	14.3
NBC	HNX	15	53.9	21.34	85.05	2,299	2.7
NCT	HOSE	62.82	11.4	126.97	277.22	10,595	8.1
NDN	HNX	21.18	49.2	48.98	111.21	2,806	5.0
NET	HNX	14.63	-10	28.2	52.20	2,330	9.4
NFC	HNX	9.1	15.7	15.88	20.91	1,329	6.2
NHA	HNX	5.03	-40.2	8.04	18.95	1,485	5.9
NLG	HOSE	183.37	-36.5	215.08	661.26	4,206	7.2
NNC	HOSE	53.2	-2.1	87.53	184.07	8,397	6.1
NSC	HOSE	71.22	46.6	113.95	23.53	1,540	72.5
NT2	HOSE	268.59	41.4	503.65	857.75	2,980	8.8
NTL	HOSE	8.11	33.3	17.73	102.77	1,685	5.8
NTP	HNX	109.37	0.8	149.7	440.12	4,932	8.6
OPC	HOSE	24.03	19.7	51.92	95.39	3,769	12.2
PAC	HOSE	27.75	-50.6	57.18	108.71	2,339	16.9
PDB	HNX	6.92	-	11.26	17.24	1,934	5.3
PDN	HOSE	30.91	32	54.8	91.33	7,396	9.6
PDR	HOSE	88.18	8.4	240.73	563.15	2,537	9.9
PGD	HOSE	98.53	100.6	142.44	271.37	3,015	12.9
PGS	HNX	27.89	-5.2	47.36	102.80	2,056	17.0
PHR	HOSE	103.74	38.9	196.13	389.21	4,959	4.0
PIC	HNX	11.7	6.5	27.76	39.53	1,304	10.7
PLP	HOSE	31.02	-	48.15	100.75	6,717	2.1
PMC	HNX	17.53	3.5	36.52	74.26	7,957	7.3
PME	HOSE	84	3.4	157.12	295.33	4,528	15.5
PNJ	HOSE	180.44	39.9	516.7	864.62	7,998	11.5
PPC	HOSE	524.52	16.2	715.35	957.71	2,987	6.0
PSD	HNX	10.7	-23.4	24.77	65.12	3,063	4.4
PVI	HNX	66.32	-54.3	228.31	523.15	2,283	12.7
QBS	HOSE	12.02	-57.1	22.77	(22.97)	(331)	na
RAL	HOSE	31.67	-8.3	80.71	211.42	18,384	4.6
S4A	HOSE	23.3	-34.6	45.31	129.24	3,062	8.6
SAF	HNX	9.69	25.7	20.84	37.65	4,754	14.7
SC5	HOSE	14.82	47.9	16.16	56.61	3,778	7.4
SCJ	HNX	9.09	261.8	-	na	na	na
SD6	HNX	6.68	-9.1	8.47	25.74	740	7.0
SDG	HNX	18.57	82	27.42	25.95	4,200	6.6
SEB	HNX	36.61	-25	95.95	163.78	8,189	4.4
SED	HNX	21.72	-9.5	28.86	35.62	3,562	5.2
SFC	HOSE	9.37	17.9	15.37	27.12	2,414	9.1
SHP	HOSE	44.15	28.1	-	na	na	na
SHS	HNX	39.5	-62.5	175.27	405.72	4,057	3.3
SJD	HOSE	61.76	-3.7	94.67	198.52	2,877	8.9
SKG	HOSE	62.01	0.7	102.42	170.57	3,555	5.7
SLS	HNX	27.41	163.6	57.65	115.30	11,775	5.3
SMB	HOSE	45.94	37.5	74.99	na	na	na
SMC	HOSE	85.67	90	159.18	284.96	6,785	2.7
SRC	HOSE	7.03	-41	11.98	21.74	775	16.0
SSC	HOSE	27.33	81.1	44.01	23.12	1,711	39.7
SSI	HOSE	320.25	5.2	736.25	1,298.41	2,598	10.2
STB	HOSE	371.28	75.6	768.01	1,476.82	819	13.7
STK	HOSE	43.28	83.9	83.4	132.21	2,206	6.9
SVI	HOSE	15.23	-16.6	29.62	60.70	4,730	8.5
SZL	HOSE	26.59	22.5	54.83	102.53	5,636	5.4
TBC	HOSE	26.96	-1.7	105.61	206.19	3,247	7.4
TCB	HOSE	2100.66	86.7	4149.68	na	na	na
TCL	HOSE	27.1	12.6	48.23	102.64	4,901	5.1
TCM	HOSE	67.19	-4.7	116.17	190.62	3,698	5.1
TCT	HOSE	7.15	42.9	66.41	73.31	5,733	11.1
TDN	HNX	14.53	369	29.48	48.73	1,655	3.0
THT	HNX	10.29	116.2	15.04	35.22	1,433	4.3
TIP	HOSE	11.93	-37.4	23.62	55.37	2,129	6.6
TIX	HOSE	19.68	-67.2	40.89	(37.74)	(1,430)	na
TKC	HNX	7.82	9.9	10.23	24.73	2,305	9.5
TKU	HNX	21.33	-11.7	40.38	72.87	2,426	4.5

Sự Kiện

MBS: báo lãi trước thuế 138 tỷ đồng sau 6 tháng, hoàn thành 86% kế hoạch năm 2018

DHT Dược Hà Tây (DHT) báo lãi 6 tháng đạt hơn 40 tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ năm trước

KienLongBank: Lãi ròng 121 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm, đang đầu tư hơn 230 tỷ vào cổ phiếu Sacombank và Maritime Bank

LDG: Cổ phiếu rơi dựng đứng, LDG Group báo lãi công ty mẹ nửa đầu năm giảm 42% xuống 112 tỷ đồng

PAC: Chi phí tăng cao, Pinaco báo lãi quý 2 sụt giảm một nửa so với cùng kỳ

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

HQC - Doanh thu thuần ghi nhận đạt 190,3 tỷ đồng, tăng 87% so với quý II/2017. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế chỉ đạt hơn 10,8 tỷ đồng, giảm 51% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng từ đầu năm, HQC đạt tổng doanh thu thuần 214,5 tỷ đồng, giảm hơn 38% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế ở mức 21,4 tỷ đồng, giảm 53%.

KSA - CTCP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận - Ngày 23/7, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã có quyết định hủy niêm yết bắt buộc đối với hơn 93,42 triệu cổ phiếu kể từ ngày 02/8/2018 do vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PXI - CTCP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí - Đại hội cổ đông thường niên đã thông qua chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018 với doanh thu 530 tỷ đồng, và không có chỉ tiêu lợi nhuận trước và sau thuế.

NSC - CTCP Giống cây trồng Trung ương - Thông báo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 với doanh thu hợp nhất hơn 843 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 123,8 tỷ đồng. 6 tháng cuối năm, NSC đạt chỉ tiêu doanh thu 781,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 132,2 tỷ đồng. Trong thời gian còn lại của năm 2018, NSC cũng sẽ phát hành mới 2,29 triệu cổ phiếu mới để trả cổ tức (15% còn lại năm 2017).

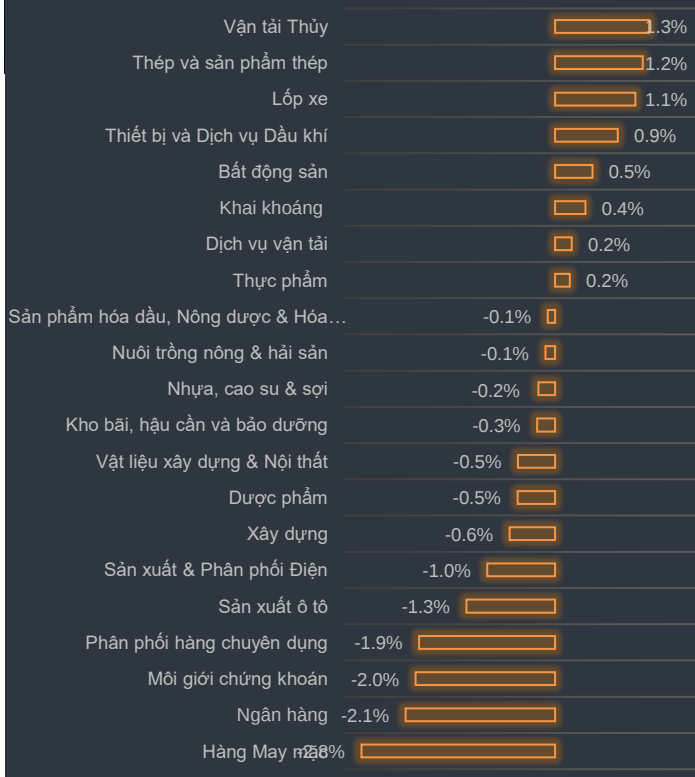
VNS - Lãi ròng sau thuế trong quý đạt 12.5 tỷ đồng, giảm 73% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 6 tháng đầu năm, chỉ tiêu này chỉ đạt 23.6 tỷ, mới thực hiện được 25% kế hoạch lợi nhuận năm 2018.

VCS - CTCP Viscostone - Ghi lãi sau thuế quý 2/2018 đạt 302 tỷ đồng giảm 24% so với cùng kỳ trong khi lãi trước thuế tăng 17%. Lý do chính là Công ty không còn ghi nhận các khoản thu từ thoái vốn, hoàn nhập và điều chỉnh thuế như năm 2017 nữa.

BVH - Ngày 02/8 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm tài chính 2017, ngày đăng ký cuối cùng là 03/8. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 31/8/2018.

CAV - Đã công bố Báo cáo tài chính hợp nhất quý II/2018 với doanh thu 2.023,7 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ năm trước. Nhưng lợi nhuận sau thuế lại giảm 5% xuống còn 81,1 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng kể từ đầu năm, CAV ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 3.584,6 tỷ đồng và 164 tỷ đồng, tăng 15,5% và 4% cùng kỳ năm trước.

PGD - Ngày 31/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2017, ngày đăng ký cuối cùng là 01/8. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 30%, thanh toán bắt đầu từ ngày 20/8/2018.



Tăng giảm ngành trong ngày

Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: FLC, QCG, HAR

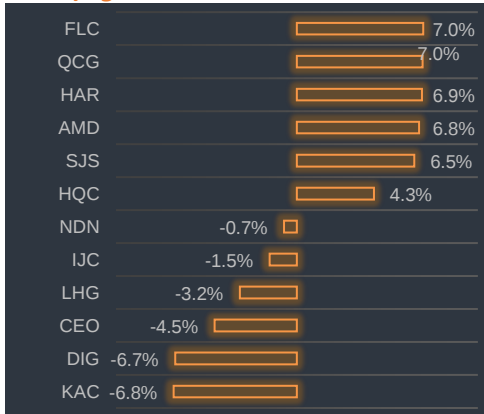
Xây dựng: SDU, PVX, SII

Dầu khí: PVD, PGC, ASP

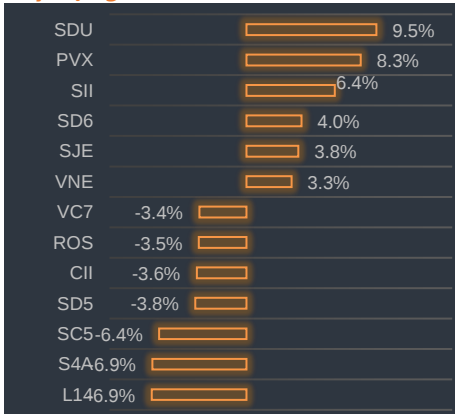
Chứng khoán: PSI, AGR, TVS

Ngân hàng: EIB

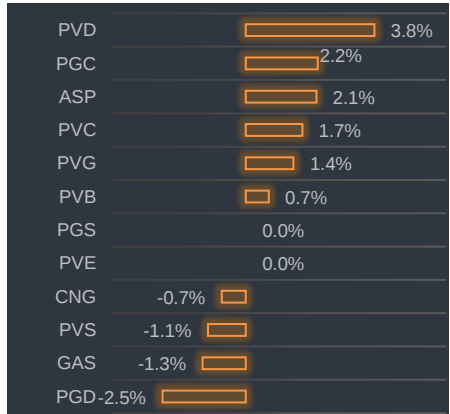
Bất động sản



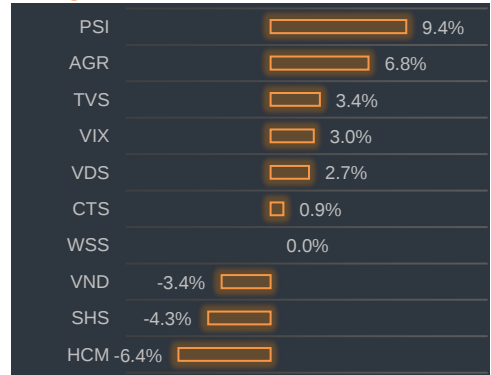
Xây dựng



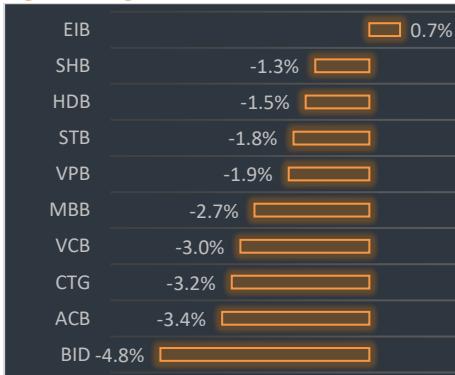
Dầu khí



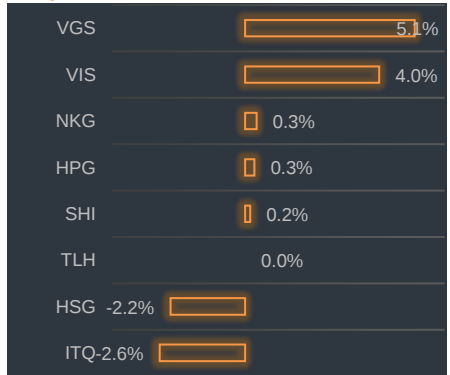
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
Tel: 0983.999.350
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh Sài Gòn

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931